

Số: 1032 /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 05 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao Kế hoạch vốn chi tiết cho các hạng mục lâm sinh thuộc
Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2017.

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 09/02/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt giao chi tiết kế hoạch vốn ngân sách Trung ương, vốn đầu tư nước ngoài (ODA) năm 2017 (đợt 1);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 1061/SKHĐT-KTNN ngày 24/3/2017 về việc giao kế hoạch vốn chi tiết cho các hạng mục lâm sinh thuộc Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao Kế hoạch vốn chi tiết cho các hạng mục lâm sinh thuộc Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2017, với các nội dung sau:

Tổng vốn giao kế hoạch: 17.000 triệu đồng, trong đó:

- Bổ sung vốn trồng rừng sản xuất năm 2015 còn thiếu theo quyết toán được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3202/QĐ-UBND ngày 17/8/2016: 4.250,2 triệu đồng.

- Vốn trồng rừng sản xuất năm 2017: 12.749,8 triệu đồng để trồng 1.883 ha rừng, trong đó: Hỗ trợ 70% mức vốn lâm sinh, hỗ trợ 200 nghìn đồng/ha chi phí khuyến lâm cho năm trồng rừng đầu tiên, 100% chi phí quản lý dự án (chủ đầu tư 8%, cấp huyện xã 1,3%, cấp tỉnh 0,7% tổng mức hỗ trợ lâm sinh) và 100% chi phí khảo sát, thiết kế, ký hợp đồng theo định mức quy định tại Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ; số vốn còn thiếu sẽ được bổ sung khi có điều kiện về nguồn vốn.

(Chi tiết có phụ biểu kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Giao các Chủ dự án trồng rừng cơ sở căn cứ Kế hoạch vốn chi tiết cho các hạng mục lâm sinh thuộc Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2017 được giao tại Điều 1 Quyết định này triển khai thực hiện, đảm bảo tiến độ dự án; đồng thời quản lý sử dụng nguồn kinh phí đúng mục đích, đối tượng và thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

- Giao các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính theo chức năng nhiệm vụ được giao hướng dẫn các Chủ dự án trồng rừng cơ sở thực hiện ý kiến chỉ đạo trên theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

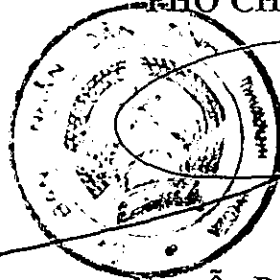
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa, các Chủ dự án trồng rừng cơ sở, Thủ trưởng các ngành, đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, NN.
(Truc27)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền

Phụ lục:

KẾ HOẠCH VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP BỀN VỮNG NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số: 1032/QĐ-UBND ngày 05/4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Số TT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2017	Ghi chú
I	Tổng nguồn vốn	25.533,0	
II	Đã giao kế hoạch chi tiết	8.533,0	
III	Số vốn chưa giao kế hoạch chi tiết	17.000,0	
IV	Giao kế hoạch chi tiết đợt này	17.000,0	
1	Bổ sung vốn trồng rừng sản xuất năm 2015 theo quyết toán được duyệt	4.250,2	Chi tiết có phụ biểu 01 kèm theo.
2	Trồng rừng sản xuất năm 2017	12.749,8	Chi tiết có phụ biểu 02 kèm theo.

Phụ biểu 01

BỔ SUNG VỐN TRỒNG RỪNG SẢN XUẤT NĂM 2015 THEO QUYẾT TOÁN ĐƯỢC DUYỆT

(Kèm theo Quyết định số: 105/QĐ-UBND ngày 05/4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Đơn vị	Kế hoạch năm 2017	Ghi chú
	TỔNG SỐ	4.250,2	
1	Hạt Kiểm Lâm Mường Lát	695,1	Thanh toán theo quyết toán được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3102/QĐ-UBND ngày 17/8/2016
2	Huyện Mường Lát	576,8	-nt-
3	BQLRPH Mường Lát	105,6	-nt-
4	Đồn Biên Phòng Quang Chiêu	358,3	-nt-
5	Đoàn Kinh tế Quốc Phòng 5	421,5	-nt-
6	Đồn Biên Phòng Trung Lý	242,4	-nt-
7	Đồn Biên Phòng Tén Tán	62,3	-nt-
8	Đồn Biên Phòng Pù Nhi	242,4	-nt-
9	Khu BTTN Pù Hu	462,8	-nt-
10	Hạt Kiểm Lâm Quan Sơn	93,6	-nt-
11	Hạt Kiểm Lâm Lang Chánh	272,3	-nt-
12	Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên	672,5	-nt-
13	BQLRPH Sông Đăn	44,6	-nt-

Phụ biểu 02

KẾ HOẠCH VỐN TRỒNG RỪNG SẢN XUẤT NĂM 2017
(Kèm theo Quyết định số: 1032/QĐ-UBND ngày 05/4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Đơn vị	Kế hoạch vốn (triệu đồng)							Khối lượng (ha)				Ghi chú
		Tổng số	Vốn lâm sinh	Khảo sát, thiết kế, ký kết hợp đồng	Công tác khuyến lâm	Trong đó			Tổng cộng	Gỗ lớn	Trồng rừng thay thế theo QĐ 1816 ngày 01/6/2016 (Gỗ lớn)	Gỗ nhỏ	
						Tổng cộng	Chủ đầu tư (1)	Cấp tỉnh, huyện, xã					
	TỔNG SỐ	12.749,8	10.334,8	564,9	376,6	1.473,5	1.181,1	292,4	1.883	1.415	368	100	
1	Huyện Mường Lát	684,4	560,0	30,0	20,0	74,4	64,0	10,4	100	100			Trên cơ sở nhu cầu thực hiện nhiệm vụ trồng rừng trong giai đoạn 2016 - 2020, chủ đầu tư lựa chọn địa điểm trồng rừng phù hợp với diện tích và kế hoạch vốn được giao.
2	Hạt Kiểm Lâm Quan Sơn	410,6	336,0	18,0	12,0	44,6	38,4	6,2	60		60		-nt-
3	Hạt Kiểm Lâm Quan Hóa	1.026,6	840,0	45,0	30,0	111,6	96,0	15,6	150	90	60		-nt-
4	Hạt Kiểm Lâm Bá Thước	1.026,6	840,0	45,0	30,0	111,6	96,0	15,6	150	90	60		-nt-
5	Hạt Kiểm Lâm Lang Chánh	2.327,0	1.904,0	102,0	68,0	253,0	217,6	35,4	340	280	60		-nt-
6	Hạt Kiểm Lâm Thường Xuân	2.053,2	1.680,0	90,0	60,0	223,2	192,0	31,2	300	232	68		-nt-
7	Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên	1.368,8	1.120,0	60,0	40,0	148,8	128,0	20,8	200	200			-nt-
8	Hạt Kiểm Lâm Như Xuân	1.711,0	1.400,0	75,0	50,0	186,0	160,0	26,0	250	190	60		-nt-
9	Hạt Kiểm Lâm Ngọc Lặc	684,4	560,0	30,0	20,0	74,4	64,0	10,4	100	100			-nt-
10	Hạt Kiểm Lâm Như Thanh	568,1	464,8	24,9	16,6	61,8	53,1	8,6	83	83			-nt-
11	Hạt Kiểm Lâm Thọ Xuân	342,2	280,0	15,0	10,0	37,2	32,0	5,2	50	50			-nt-
12	Hạt Kiểm Lâm Tĩnh Gia	446,5	350,0	30,0	20,0	46,5	40,0	6,5	100			100	-nt-
13	Chi cục Lâm nghiệp	45,4				45,4		45,4					
14	Chi cục Kiểm lâm	15,0				15,0		15,0					
15	Sở Nông nghiệp và PTNT	20,0				20,0		20,0					
16	Sở Kế hoạch và Đầu tư	20,0				20,0		20,0					

Ghi chú:

(1) Trong đó chủ đầu tư phân bổ cho Ban phát triển rừng thôn 1%.